TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 07-5-2026
V/v:"Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Hằng và bà Trần Thị Thanh Hương

Thư ký phiên toà: Bà Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Văn Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2026/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1994. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số CCCD: 040094008897

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang trú tại: A H A, S, B, Canada.

Người được ủy quyền: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số CCCD: 0401660024340.

Địa chỉ: Thôn D Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1999. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Số CC: 040199019881.

Địa chỉ: Thôn D Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Anh và chị Lê Thị V đăng ký kết hôn ngày 07/4/2023 tại UBND xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, trên cơ sở tự nguyện. Những năm đầu mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau, sau một thời gian phát sinh mâu thuận, không tìm được tiếng nói chung. Đã nhiều lần cho nhau cơ hội nhưng không thay đổi. Đời sống chung không thể hòa hợp, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải thoát cho nhau, hai bên sớm ổn định cuộc sống, nay anh xin ly hôn chị Lê Thị V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Hiện tại chị Lê Thị V không mang thai.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai của người được ủy quyền bà Nguyễn Thị L: Bà là mẹ của anh Nguyễn Minh T được ủy quyền để thực hiện việc nộp hồ sơ khởi kiện đối với vụ án ly hôn. Bà đã nhận được các văn bản của Tòa án, đã thông báo cho anh T biết. Do sức khỏe nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử của Tòa án.

Tại bản tự khai chị Lê Thị V trình bày: Chị thống nhất như lời trình bày của anh T về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian phát sinh mâu thuận, nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 8/2023 đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vợ chồng không có con chung, hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q: Anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị V đăng ký kết hôn ngày 07/4/2023 tại UBND xã Q, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuận, nguyên nhân như thế nào thì địa phương không biết vì không qua hòa giải tại cơ sở. Về con chung: Theo dữ liệu hộ tịch hiện tại địa phương thì vợ chồng không có con chung. Nay anh T làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dụng: Áp dụng các Điều 51,53, 56, 122, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Về tình cảm: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Lê Thị V.

Về án phí: anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Minh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Lê Thị V, đây là vụ án "Ly hôn". Chị Lê Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn D Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị V có đăng ký kết hôn ngày 07/4/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q nay là UBND xã Q, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa anh T và chị V là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T, chị V đều thừa nhận đã hết tình cảm với nhau, anh T đề nghị ly hôn chị V cũng đồng ý, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị V đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Lê Thị V.

[2.1] Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

[3] Về tài sản: Anh T, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 51, 56, 122, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh T được ly hôn chị Lê Thị V.
- Về con chung: Không có.
- Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0004410 ngày 12/02/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Minh T, chị Lê Thị V có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nghệ